SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP. HCM
TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT S.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH
DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: Kinh Tế Vi Mô **Thi lần: 1**
Ngành : **Học kỳ: I**
Lớp: Ban Đêm Đợt 1 **Khóa: 08 (2012 - 2014)** **Năm học: 2012 - 2013**
Giờ thi: **Ngày thi:** **Phòng thi:**

TT	Mã HS	Họ & Tên		Ngày sinh	Điểm qúa trình					Thi		Thi	Tổng Kết L1	Tổng Kết L2	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú
					HS 1	HS 1	HS 2	H S2	TB KT	L1	L2						
1	11KT054	đỗ Thị	**Diễm**	20/05/1985	7.0		6.0		6.3	5.0		5.0	5.7				
2	11KT055	Mai Heng Xiết	**Eng**	26/10/1993	7.0		0.0		2.3			0.0	1.2				
3	11KT056	Hồ Thị Mỹ	**Hà**	10/09/1992	7.0		7.0		7.0	6.0		6.0	6.5				
4	11KT057	Hoàng Thị	**Hà**	08/03/1990	7.0		8.0		7.7	5.0		5.0	6.4				
5	11KT061	Từ Thị Kim	**Hảo**	16/09/1990	7.0		5.0		5.7			0.0	2.9				
6	11KT063	Lê Thị	**Hồng**	03/10/1991	7.0		5.0		5.7	6.0		6.0	5.9				
7	11KT064	Nông Thị	**Lịch**	28/11/1987	7.0		6.0		6.3	6.0		6.0	6.2				
8	11KT068	đỗ Thị Minh	**Nguyệt**	29/03/1984	7.0		7.0		7.0	6.0		6.0	6.5				
9	11KT070	Trần Thị Cẩm	**Nhung**	15/05/1989	7.0		6.0		6.3	6.0		6.0	6.2				
10	11KT072	Lê Thị Thanh	**Phương**	06/11/1986	8.0		7.0		7.3	6.0		6.0	6.7				
11	11KT077	Nguyễn Thị Phương	**Thảo**	25/08/1991	7.0		6.0		6.3	6.0		6.0	6.2				
12	11KT080	Trần Thị Kim	**Thoa**	23/07/1982	8.0		6.0		6.7	5.0		5.0	5.9				
13	11KT081	Nguyễn Thị	**Thương**	02/08/1991	7.0		6.0		6.3	6.0		6.0	6.2				
14	11KT083	Nguyễn Thị	**Thủy**	15/04/1993	7.0		6.0		6.3	6.0		6.0	6.2				
15	11KT085	Nguyễn Thị Xuân	**Tiên**	24/10/1974	8.0		7.0		7.3	7.0		7.0	7.2				
16	11KT087	Huỳnh Thị	**Truyền**	02/11/1986	7.0		8.0		7.7	6.0		6.0	6.9				
17	11KT088	Trần Thị Cẩm	**Tú**	22/04/1990	7.0		6.0		6.3	6.0		6.0	6.2				
18	11KT089	đặng Thị Cẩm	**Tú**	18/09/1987	7.0		7.0		7.0	6.0		6.0	6.5				
19	11KT091	Lương Thị	**Tuyến**	20/05/1991	7.0		8.0		7.7	7.0		7.0	7.4				
20	11KT094	Nguyễn Thị Kim	**Xí**	10/07/1988	7.0		6.0		6.3	6.0		6.0	6.2				
21	11KT095	Lê Thị Thu	**Xuân**	09/03/1984	7.0		7.0		7.0	5.0		5.0	6.0				
22	11KK042	Dương Tuyết	**Chi**	15/03/1987	7.0		6.0		6.3	5.0		5.0	5.7				
23	11KK050	Lê Quang	**Hiệp**	16/05/1985	7.0		6.0		6.3	2.0		2.0	4.2				
24	11KK051	Huỳnh Vũ Ngọc	**Hoa**	02/07/1990	7.0		8.0		7.7	6.0		6.0	6.9				
25	11KK054	Nguyễn Nhựt	**Linh**	1,989	9.0		7.0		7.7	6.0		6.0	6.9				

TT	Mã HS	Họ & Tên		Ngày sinh	Điểm qúa trình					Thi		Thi	Tổng Kết L1	Tổng Kết L2	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú
					HS 1	HS 1	HS 2	H S2	TB KT	L1	L2						
26	11KK055	đồng Hoàng	**Linh**	01/01/1989	7.0		7.0		7.0	5.0		5.0	6.0				
27	11KK056	Nguyễn Thị	**Loan**	06/06/1991	7.0		6.0		6.3	6.0		6.0	6.2				
28	11KK058	Hoàng Thị	**Nga**	02/07/1992	7.0		7.0		7.0	5.0		5.0	6.0				
29	11KK059	Lê Thanh	**Ngân**	06/03/1989	9.0		6.0		7.0	6.0		6.0	6.5				
30	11KK060	Nguyễn Thị Kim	**Ngân**	13/02/1983	8.0		6.0		6.7			0.0	3.4				
31	11KK062	Võ Thị Thanh	**Ngọc**	21/08/1987	7.0		7.0		7.0	8.0		8.0	7.5				
32	11KK067	Văn Thị Bích	**Thảo**	28/09/1988	7.0		8.0		7.7	7.0		7.0	7.4				
33	11KK069	Hoàng Thị	**Thảo**	27/11/1993	7.0		6.0		6.3	5.0		5.0	5.7				
34	11KK2	Nguyễn Thị Thanh	**Thảo**	10/12/1992	7.0		7.0		7.0	7.0		7.0	7.0				
35	11KK070	Dương Thị	**Thịnh**	10/05/1990	7.0		7.0		7.0	8.0		8.0	7.5				
36	11KK072	Nguyễn Thị	**Thuyền**	22/01/1992	5.0		7.0		6.3	7.0		7.0	6.7				
37	11KK073	Nguyễn Thị Thủy	**Trang**	13/09/1988	7.0		6.0		6.3	5.0		5.0	5.7				
38	11KK079	Phạm Thị	**Tuyến**	28/04/1983	7.0		7.0		7.0	5.0		5.0	6.0				
39	11KT065	Nguyễn Thị	**Liên**	02/06/1982	7.0		7.0		7.0	6.0		6.0	6.5				
40	11NH051	Mạnh Thị Ngọc	**Bích**	20/03/1989	7.0		7.0		7.0	6.0		6.0	6.5				
41	11NH052	Thái Vũ Hoài	**Châu**	22/04/1992	7.0		5.0		5.7	5.0		5.0	5.4				
42	11NH055	Lê Xuân	**Duy**	04/09/1989	7.0		5.0		5.7	6.0		6.0	5.9				
43	11NH059	Lê Thị Lệ	**Hằng**	06/05/1987	7.0		8.0		7.7	6.0		6.0	6.9				
44	11NH060	Phan Thị	**Hằng**	29/03/1987	7.0		5.0		5.7	6.0		6.0	5.9				
45	11NH067	Võ Thị	**Lan**	08/03/1975	7.0		6.0		6.3	6.0		6.0	6.2				
46	11NH071	Lê Văn	**Nghĩa**	28/12/1987	7.0		8.0		7.7	6.0		6.0	6.9				
47	11NH072	Trần Hồ Vĩnh	**Phúc**	10/11/1985	7.0		7.0		7.0	7.0		7.0	7.0				
48	11NH073	Lý Thụy Mai	**Phương**	20/11/1990	7.0		5.0		5.7	6.0		6.0	5.9				
49	11NH076	đinh Văn	**Tài**	16/08/1992	7.0		5.0		5.7	6.0		6.0	5.9				
50	11NH079	Nguyễn Văn	**Thắng**	19/06/1979	8.0		5.0		6.0	6.0		6.0	6.0				
51	11NH081	Nguyễn Thanh	**Thảo**	25/04/1985	7.0		7.0		7.0	6.0		6.0	6.5				
52	11NH082	Trần Nam	**Thi**	03/07/1987	7.0		5.0		5.7	6.0		6.0	5.9				
53	11NH085	Nguyễn Thanh	**Tùng**	31/05/1989	7.0		6.0		6.3	7.0		7.0	6.7				
54	11NH087	Trương Thị Thanh	**Vân**	30/07/1986	7.0		6.0		6.3	6.0		6.0	6.2				
55	11NH088	Ngô Thị Cẩm	**Vân**	10/06/1983	7.0		5.0		5.7	6.0		6.0	5.9				
56	11NH089	Bùi đức	**Vinh**	01/04/1990	7.0		5.0		5.7	5.0		5.0	5.4				
57	11MR060	đặng Hoàng	**Anh**	03/03/1983	7.0		8.0		7.7	6.0		6.0	6.9				
58	11MR063	Vũ Mạnh	**Cường**	25/01/1985	7.0		6.0		6.3	6.0		6.0	6.2				
59	11MR064	Trần Thành	**đại**	09/11/1993	7.0		5.0		5.7	6.0		6.0	5.9				
60	11MR067	Vũ Văn	**điệp**	02/08/1989	7.0		5.0		5.7	6.0		6.0	5.9				

TT	Mã HS	Họ & Tên		Ngày sinh	Điểm qúa trình					Thi		Thi	Tổng Kết L1	Tổng Kết L2	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú
					HS 1	HS 1	HS 2	H S2	TB KT	L1	L2						
61	11MR068	Hoàng Thị Ngọc	**Dung**	06/03/1985	7.0		5.0		5.7	8.0		8.0	6.9				
62	11MR071	Nguyễn Minh	**Hiền**	14/07/1987	7.0		5.0		5.7	7.0		7.0	6.4				
63	11MR073	Nguyễn Minh	**Hiếu**	19/04/1985	7.0		8.0		7.7	7.0		7.0	7.4				
64	11MR081	Phạm Trọng	**Lượng**	11/04/1991	7.0		0.0		2.3	6.0		6.0	4.2				
65	11MR082	đào Quỳnh	**Mai**	06/05/1991	7.0		5.0		5.7	5.0		5.0	5.4				
66	11MR083	Nguyễn Nhật	**Minh**	26/11/1991	7.0		6.0		6.3	6.0		6.0	6.2				
67	11MR085	Trần Cảnh	**Nam**	20/09/1986	8.0		6.0		6.7	6.0		6.0	6.4				
68	11MR086	Nguyễn Thanh	**Nam**	20/02/1991	0.0		6.0		4.0	6.0		6.0	5.0				
69	11MR087	Phan Thanh	**Nam**	17/10/1985	7.0		5.0		5.7	5.0		5.0	5.4				
70	11MR088	Lê Thị	**Nga**	09/12/1989	7.0		5.0		5.7	6.0		6.0	5.9				
71	11MR089	Nguyễn Hoàng Kim	**Ngân**	19/04/1989	7.0		5.0		5.7	5.0		5.0	5.4				
72	11MR092	Phan đức	**Nguyên**	17/12/1991	7.0		5.0		5.7	8.0		8.0	6.9				
73	11MR094	Nguyễn Bá	**Nhân**	13/07/1988	7.0		5.0		5.7	5.0		5.0	5.4				
74	11MR103	Trịnh Thị Thanh	**Thảo**	29/10/1990	7.0		6.0		6.3	6.0		6.0	6.2				
75	11MR104	đinh Thị	**Thảo**	26/08/1985	7.0		6.0		6.3	6.0		6.0	6.2				
76	11MR105	Trần Minh	**Thi**	21/12/1989	7.0		8.0		7.7	6.0		6.0	6.9				
77	11MR108	Trần Thị Kim	**Thủy**	27/08/1991	7.0		7.0		7.0	5.0		5.0	6.0				
78	11MR111	đặng Văn	**Trung**	19/11/1990	7.0		6.0		6.3	5.0		5.0	5.7				
79	11MR113	Nguyễn Thành	**Trung**	16/12/1990	7.0		7.0		7.0	7.0		7.0	7.0				
80	11MR114	Phan Xuân	**Trường**	13/08/1987	7.0		5.0		5.7	5.0		5.0	5.4				
81	11MR118	đỗ Thị Ngọc	**Tuyết**	01/01/1992	7.0		8.0		7.7	6.0		6.0	6.9				
82	11MR121	Nguyễn Minh	**Xuân**	27/01/1991	7.0		0.0		2.3			0.0	1.2				
83	11NH1	Nguyễn Hải	**Quang**	01/08/1984	7.0		8.0		7.7			0.0	3.9				
84	11MR1	Nguyễn Thanh	**Vy**	25/10/1987	0.0		5.0		3.3	6.0		6.0	4.7				
85	12KT2	Trần Thị Mỹ	**Loan**	4/2/83	7.0		6.0		6.3	6.0		6.0	6.2				
86	12KT2	Trần Thị	**Minh**	4/2/83	7.0		5.0		5.7	4.0		4.0	4.9				
87	12KT2	Lê Thị Kim	**Phê**	14/12/89	7.0		7.0		7.0	6.0		6.0	6.5				
88	12KT2	đỗ Thị Thu	**Trà**	20/3/93	7.0		9.0		8.3	6.0		6.0	7.2				
89	12KT2-Q6	Nguyễn Thị	**Trang**	13/4/88	7.0		6.0		6.3	5.0		5.0	5.7				
90	12KT2	Trần Thị Anh	**Tuyết**	13/01/1988	7.0		6.0		6.3	5.0		5.0	5.7				
91	12KK2	Tạ Thị	**Anh**	12/05/90	7.0		7.0		7.0	5.0		5.0	6.0				
92	12KK2	Trần Minh	**Cường**	01/05/88	7.0		5.0		5.7	6.0		6.0	5.9				
93	12KK2	Nguyễn Thị Mỹ	**Dung**	05/08/89	7.0		7.0		7.0	7.0		7.0	7.0				
94	12KK2	đoàn Thị Thanh	**Hoài**	01/01/92	7.0		5.0		5.7	6.0		6.0	5.9				
95	12KK2	Vũ Thị Thu	**Hương**	11/05/83	7.0		8.0		7.7	6.0		6.0	6.9				

TT	Mã HS	Họ & Tên		Ngày sinh	Điểm qúa trình					Thi		Thi	Tổng Kết L1	Tổng Kết L2	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú
					HS 1	HS 1	HS 2	HS2	TB KT	L1	L2						
96	12KK2	Trần Kim	**Hương**	14/6/92	7.0		6.0		6.3	5.0		5.0	5.7				
97	12KK2	Nguyễn Dĩ	**Linh**	29/06/88	7.0		5.0		5.7	6.0		6.0	5.9				
98	12KK2	Phạm Ngọc	**Meiji**	24/12/89	7.0		6.0		6.3	5.0		5.0	5.7				
99	12KK2	Lê Thị Yến	**Nga**	02/06/92	8.0		6.0		6.7	6.0		6.0	6.4				
###	12KK2	Lê Thị	**Nga**	16/04/74	7.0		5.0		5.7	5.0		5.0	5.4				
###	11KK013	Nguyễn Thị	**Loan**	25/08/1993	7.0		6.0		6.3	6.0		6.0	6.2				
###	11KK014	Ngô Thị Kim	**Loan**	21/06/1992	0.0		5.0		3.3	6.0		6.0	4.7				
###	11KK015	Lê Hoàng Kim	**Luyến**	14/10/1993	7.0		6.0		6.3	6.0		6.0	6.2				
###	11KK018	Cao Thị Kiều	**Ngân**	01/07/1993	7.0		4.0		5.0	5.0		5.0	5.0				
###	11KK023	Lê Thị	**Thảo**	24/10/1993	7.0		5.0		5.7	6.0		6.0	5.9				
###	11KK028	Nguyễn Thị Diễm	**Thúy**	26/03/1992	7.0		0.0		2.3	7.0		7.0	4.7				
###	11KK030	Trịnh Nữ Quỳnh	**Trâm**	02/03/1993	7.0		7.0		7.0	6.0		6.0	6.5				
###	11KK031	Nguyễn Thị	**Trang**	30/06/1993	7.0		6.0		6.3	7.0		7.0	6.7				
###	11KK032	Nguyễn Ngọc	**Trung**	29/10/1989	8.0		7.0		7.3	7.0		7.0	7.2				
###	11KK033	Nguyễn Ngọc	**Tuấn**	31/10/1991	0.0		5.0		3.3	6.0		6.0	4.7				
###	11KK035	Nguyễn Thị Cẩm	**Vân**	07/07/1991	0.0		4.0		2.7			0.0	1.4				
###	11KK036	Hoàng Thị Kim	**Yến**	15/06/1993	7.0		6.0		6.3	7.0		7.0	6.7				
###	12KK2	Trương Thị Ngọc	**Trân**	11/12/90	7.0		5.0		5.7	6.0		6.0	5.9				
###	12KK2	Nguyễn Thị Kim	**Tuyến**	13/10/91	7.0		8.0		7.7	5.0		5.0	6.4				
###	12KK2	đỗ Ngọc	**Tuyến**	11/11/87	8.0		6.0		6.7	5.0		5.0	5.9				
###	12KK2	Võ Thị	**Diện**	10/07/1989	9.0		7.0		7.7	6.0		6.0	6.9				
###	12MR2	Thái Tăng	**Hoa**	03/07/93	7.0		6.0		6.3	7.0		7.0	6.7				
###	12MR2	Dương Văn	**Kết**	1,985	7.0		0.0		2.3			0.0	1.2				
###	12MR2	Lê Duy	**Thanh**	30/1/86	7.0		6.0		6.3	7.0		7.0	6.7				
###	12MR2	Huỳnh Công	**Tiến**	22/04/94	7.0		5.0		5.7	5.0		5.0	5.4				
###	12MR2	Nguyễn Thị Thanh	**Tuyền**	16/02/88	7.0		5.0		5.7	5.0		5.0	5.4				
###	12NH2	Vũ Trần Nhật	**Linh**	03/01/89	7.0		6.0		6.3	8.0		8.0	7.2				
###	12NH2	Nguyễn Văn	**Thăng**	17/10/86	7.0		6.0		6.3			0.0	3.2				
###	12NH2	Trần Quốc	**Thuận**	26/6/87	7.0		5.0		5.7	6.0		6.0	5.9				
###	12NH2	Phạm Thị Tuyết	**Trinh**	08/02/85	7.0		5.0		5.7			0.0	2.9				
###	12TH2	Phan Thị Xuân	**Thảo**	3/12/86	7.0		6.0		6.3	6.0		6.0	6.2				
###	12QT2	Lê Hoàng Minh	**Hùng**	1/12/84	7.0		5.0		5.7	5.0		5.0	5.4				
###	12QT2	Ngô Thị Kim	**Thu**	19/5/76	7.0		5.0		5.7	7.0		7.0	6.4				
###	K8	Nguyễn Khánh	**Nam**	7.0	7.0		0.0		2.3			0.0	1.2				

Tổng số: 129 thí sinh.

TT	Mã HS	Họ & Tên	Ngày sinh	Điểm qúa trình					Thi		Thi	Tổng Kết L1	Tổng Kết L2	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú
				HS 1	HS 1	HS 2	H S2	TB KT	L1	L2						

TP. HCM, ngày …… tháng …..... năm ...

HIỆU TRƯỞNG
(Duyệt)

PHÒNG ĐÀO TẠO

+ Số thí sinh có mặt: ……
+ Số thí sinh vắng mặt: ……
+ Số bài thi:……..
+ Số tờ giấy thi:……..

Ghi chú:

+ Thí sinh vắng thi thì CB coi thi gạch từ cột (1) đến cột (10); cột (11) ghi chữ "vắng"; gạch tiếp từ cột (12) đến cột (14).
+ Ngay sau khi nhận kết quả chấm thi từ giáo viên, phòng Đào tạo photo Danh sách này chuyển cho CB ghi Sổ đăng ký học sinh.

* Ngày giao - nhận:……
* Người giao *(Ký, họ tên)* :……
* Người nhận *(Ký, họ tên)* :…….

Cán bộ coi thi 1
(Ký & ghi họ tên)

Cán bộ coi thi 2
(Ký & ghi họ tên)

Giáo viên chấm thi 1
(Ký & ghi họ tên)

Giáo viên chấm thi 2
(Ký & ghi họ tên)